

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THĂNG BÌNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-5-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân.

2. Ông Lưu Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Trương Quang Q, sinh năm: 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 8, thôn T, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trương Quang Q tự nguyện tìm hiểu và tổ chức xây dựng gia đình năm 2011, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Thăng Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 20/6/2011. Quá trình chung sống không hạnh phúc; nguyên nhân do anh Q ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập chị, sống gia trưởng và luôn kiểm soát mọi hoạt động, công việc của chị H làm cho cuộc sống cá nhân mất tự do. Trước đây, chị đã 03 lần làm đơn xin ly hôn nhưng vì con và anh Q hứa sẽ thay đổi nên chị rút đơn nhưng đến nay anh Q vẫn không thay đổi.

Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống với anh Q được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Q có hai con chung tên Trương Thanh H, sinh ngày 10/12/2011 và Trương Thanh T, sinh ngày 16/6/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình hòa giải, bị đơn – anh Trương Quang Q trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn; về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H đi làm về hay đi nhậu nhẹt bên ngoài và về nhà giờ giấc không đảm bảo nên vợ chồng xảy ra cãi vã, chị H nhiều lần còn thách đồ nên anh có tát tai chị H. Ngoài ra, do anh thương vợ nên hay ghen tuông vô cớ làm mất hạnh phúc gia đình. Nay chị H xin ly hôn, anh nhận thấy vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn, mong vợ chồng đoàn tụ để có điều kiện nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có hai con chung như chị H trình bày, trường hợp ly hôn và chị H nuôi con thì anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị H được ly hôn với anh Q và giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Q tại thôn T, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; chị H yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 20/6/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh Q sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị H nguyên nhân là do anh Q nhiều lần đánh đập chị và ghen tuông vô cớ; đồng thời kiểm soát mọi công việc của chị H làm cho cuộc sống của chị ngày càng ngột ngạt, mất tự do nên mâu thuẫn không thể giải quyết được. Anh Q cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị H đi làm thường hay nhậu nhẹt, về nhà không đảm bảo giờ giấc và anh có ghen tuông nên có đánh chị H nhưng không đồng ý ly hôn. Anh cam kết sẽ thay đổi và mong muốn đoàn tụ để tiếp tục chung sống, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, anh Q không có hành động gì để khắc phục mâu thuẫn và đi làm về không đưa tiền cho chị H nuôi con mà còn nhiều lần nhấn tin xúc phạm chị H làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Hiện nay, chị H và anh Q không còn chung sống với nhau, chị H và các con đã về nhà mẹ ruột sinh sống. Điều này thể hiện mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh Q không thể hòa giải được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh Q yêu cầu được đoàn tụ nên không có ý kiến gì về việc nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thể hiện: Chị H hiện đang là hiệu trưởng trường Mẫu giáo thu nhập ổn định, bình quân mỗi tháng 7.000.000 đồng, anh Q làm Kỹ sư cơ khí động lực của Công ty Hàn Quốc thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng. Chị H và anh Q đều đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy anh Q thường đi làm xa không có thời gian chăm sóc con, chị H là giáo viên gần nhà nên có thời gian để chăm sóc con và tại biên bản tự khai ngày 16/4/2021 cháu H có nguyện ở với mẹ; cháu T mặc dù đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn rất nhỏ, là con gái nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ và thực tế hiện nay hai cháu đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu H, cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trương Quang Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thanh H, sinh ngày 10/12/2011 và Trương Thanh T, sinh ngày 16/6/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, chị Nguyễn Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005708 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND xã B, huyện Thăng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thử

